

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C1
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

*Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
ngày 14/5/2019, về việc “Ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1 -TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đặng Ngọc Hương
2. Ông Nguyễn Lý Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C1 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm C – sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C1, tỉnh K (có mặt).

Bị đơn: Ông Phan Văn T - sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn ngày 10/12/2018, bản tự khai ngày 03/01/2019, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 22/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm C và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1991 và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh K (nay là thành phố C1, tỉnh K) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 10/7/1991.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng bà C và ông T sống tại thôn H, xã C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu vợ chồng bà C và ông T chung sống với nhau bình thường, không hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được, ông T thường xuyên bỏ nhà đi ăn nhậu, bài bạc không chăm lo tới vợ con và còn hành hung bà C, bà C cũng đã nhờ gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T không thay đổi. Từ năm 2018

đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay bà C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà C và ông T có 02 con chung là cháu Phan Yến Ái T - sinh ngày 28/5/1992 và cháu Phan Minh T - sinh ngày 28/10/1999, nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Diễm C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng đối với ông Phan Văn T, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Phan Văn T vẫn không cung cấp ý kiến của mình và không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C1:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm C đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng ông Phan Văn T đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn; Về con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án: Bản sao trích lục kết hôn, bản sao trích lục khai sinh của cháu Phan Yến Ái T, bản sao trích lục khai sinh của cháu Phan Minh T, bản sao sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phan Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Diễm C yêu cầu tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với ông Phan Văn T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Văn T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo để tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng ông Phan Văn T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm C và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1991 và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh K (nay là thành phố C1, tỉnh K) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 10/7/1991, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng bà C và ông T sống tại thôn H, xã C, thành phố C1, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng bà C và ông T chung sống với nhau bình thường, không hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được, ông T thường xuyên bỏ nhà đi ăn nhậu, bài bạc không chăm lo tới vợ con và còn hành hung bà C, bà C cũng đã nhờ gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T không thay đổi. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay bà C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà C kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và cần được chấp nhận. Mặt khác, đối với ông Phan Văn T Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến tham gia hoà giải, tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ gia đình, nhưng ông T vẫn không đến tham gia hoà giải. Chứng tỏ ông T đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc vắng mặt của ông T chỉ nhằm gây khó khăn cho việc yêu cầu ly hôn của bà C, nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Diễm C và ông Phan Văn T có 02 con chung là cháu Phan Yến Ái T - sinh ngày 28/5/1992 và cháu Phan Minh T - sinh ngày 28/10/1999, nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Diễm C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Diễm C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;*

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm C được ly hôn ông Phan Văn T.

[2]. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Diễm C và ông Phan Văn T có 02 con chung là cháu Phan Yến Ái T - sinh ngày 28/5/1992 và cháu Phan Minh T - sinh ngày 28/10/1999, nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Diễm C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Diễm C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000157 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C1. Bà Nguyễn Thị Diễm C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Diễm C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP C1;
- THADS TP C1;
- UBND xã C,
- thành phố C1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương